

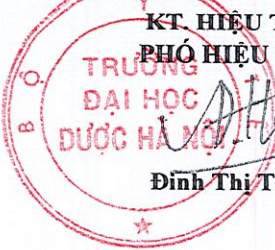
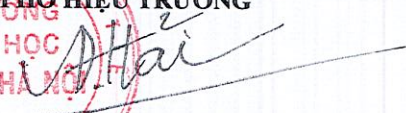
| S<br>T<br>T | Học phần                          | Số tiết   |           |           | Số tiết học trong 1 tuần lễ |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     |    |     |     |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      | Tháng |         |  |  |  |  |
|-------------|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------------------------|----|----|--------|------|---------|----|----|----|----|---------|-----|----|-----|-----|---------|-----|-----|-----|-----|---------|----|----|------|------|-------|---------|--|--|--|--|
|             |                                   | Giờ<br>LT | Giờ<br>TT | Giờ<br>Se | 01-2026                     |    |    |        |      | 02-2026 |    |    |    |    | 03-2026 |     |    |     |     | 04-2026 |     |     |     |     | 05-2026 |    |    |      |      |       | 06-2026 |  |  |  |  |
|             |                                   |           |           |           | 5                           | 12 | 19 | 26     | 2    | 9       | 16 | 23 | 2  | 9  | 16      | 23  | 30 | 6   | 13  | 20      | 27  | 4   | 11  | 18  | 25      | 1  | 8  | 15   | 22   |       |         |  |  |  |  |
|             |                                   |           |           |           | 10                          | 17 | 24 | 31     | 7    | 14      | 21 | 28 | 7  | 14 | 21      | 28  | 4  | 11  | 18  | 25      | 2   | 9   | 16  | 23  | 30      | 6  | 13 | 20   | 27   |       |         |  |  |  |  |
|             |                                   |           |           | 1         | 2                           | 3  | 4  | 5      | 6    | 7       | 8  | 9  | 10 | 11 | 12      | 13  | 14 | 15  | 16  | 17      | 18  | 19  | 20  | 21  | 22      | 23 | 24 | 25   | Tuần |       |         |  |  |  |  |
| 1           | Bào chế                           | 31        | 28        |           | 3                           | 3  | 3  | 3      | 3    | TẾT     |    |    |    |    | 3       | 3   | 3  | 3   | 2   | 2       |     |     |     |     | /8      | /8 | /8 | /4,B |      |       |         |  |  |  |  |
| 2           | Kiểm nghiệm DP                    | 25        | 40        |           | 2                           | 2  | 2  | 2/8,VS | 2/12 |         |    |    |    |    | 2/12    | 2/8 | 2  | 2   | 2   | 2       | 3   |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
| 3           | Kỹ thuật hóa dược                 | 33        | 24        |           | 4                           | 4  | 4  | 4      | 4    |         |    |    |    |    | 4       | 4   | 5  |     |     |         | /12 | /12 |     |     | /B      |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
| 4           | Kỹ thuật chiết xuất dược liệu     | 33        | 24        |           |                             |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     | 5  | 8   | 8   | 8       | 4   |     | /12 | /12 |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
| 5           | Nghiên cứu phát triển thuốc mới 1 | 26        |           | 8         | 4                           | 4  | 4  | 4      | 4    |         |    |    |    |    | 4       | 2   |    | /Se | /Se |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
| 6           | Các môn tự chọn                   |           |           |           |                             |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     |    |     |     |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
|             | Pháp chế dược                     | 22        | 16        |           |                             |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     |    |     |     |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
|             | Dược học cổ truyền                | 31        | 16        | 12        |                             |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     |    |     |     |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
|             | Dược lý ứng dụng trong điều trị   | 35        | 12        | 8         |                             |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     |    |     |     |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
|             | Hóa học các hợp chất tự nhiên     | 45        |           |           | 4                           | 4  | 4  | 4      | 4    |         |    |    |    |    | 4       | 4   | 4  | 4   | 4   | 4       | 4   | 1   |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
|             | Mỹ phẩm                           | 20        | 20        |           |                             |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     |    |     |     |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
|             |                                   |           |           |           |                             |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     |    |     |     |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
|             |                                   |           |           |           |                             |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     |    |     |     |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |
|             |                                   |           |           |           |                             |    |    |        |      |         |    |    |    |    |         |     |    |     |     |         |     |     |     |     |         |    |    |      |      |       |         |  |  |  |  |

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

  
Trần Thị Lan Hương

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

  
  
Đinh Thị Thanh Hải



BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

# THỜI KHOÁ BIỂU LỚP HÓA DƯỢC 1- KHÓA 4 HỌC KỲ II (2025 - 2026)

- Từ ngày 05/01/2026 đến ngày 24/01/2026

|   | LỚP  | THỨ HAI | THỨ BA                                        | THỨ TƯ                            | THỨ NĂM                                       | THỨ SÁU                                | THỨ BẢY |
|---|------|---------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| S | H1K4 |         | Bào chế (1,2,3)<br>Kiểm nghiệm (4,5)<br>GD 23 | KT Hóa dược<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 | NC phát triển thuốc mới<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 | Hóa học các HCTN<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 |         |

- Từ ngày 26/01/2026 đến ngày 31/01/2026 (TT Kiểm nghiệm từ 26/01-31/01/2026 tại BM VSSH)

|   | LỚP  | THỨ HAI        | THỨ BA                                        | THỨ TƯ                            | THỨ NĂM                                       | THỨ SÁU                                | THỨ BẢY |
|---|------|----------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| S | H1K4 | TT Kiểm nghiệm | Bào chế (1,2,3)<br>Kiểm nghiệm (4,5)<br>GD 23 | KT Hóa dược<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 | NC phát triển thuốc mới<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 | Hóa học các HCTN<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 |         |
| C | H1K4 |                | TT Kiểm nghiệm                                | TT Kiểm nghiệm                    |                                               |                                        |         |

- Từ ngày 02/02/2026 đến ngày 07/02/2026 (TT Kiểm nghiệm từ 02/02/2026 tại BM HPT)

|   | LỚP  | THỨ HAI        | THỨ BA                                        | THỨ TƯ                            | THỨ NĂM                                       | THỨ SÁU                                | THỨ BẢY        |
|---|------|----------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|
| S | H1K4 | TT Kiểm nghiệm | Bào chế (1,2,3)<br>Kiểm nghiệm (4,5)<br>GD 23 | KT Hóa dược<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 | NC phát triển thuốc mới<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 | Hóa học các HCTN<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 | TT Kiểm nghiệm |
| C | H1K4 | TT Kiểm nghiệm | TT Kiểm nghiệm                                |                                   |                                               | TT Kiểm nghiệm                         | TT Kiểm nghiệm |



- Từ ngày 09/02 đến ngày 28/02/2026: Nghỉ Tết Nguyên đán
- Từ ngày 02/03/2026 đến ngày 14/03/2026 (TT Kiểm nghiệm tại BM HPT)

|   | LỚP  | THỨ HAI        |                | THỨ BA                                        |  | THỨ TƯ                         |  | THỨ NĂM                                    |                | THỨ SÁU                             | THỨ BẢY |
|---|------|----------------|----------------|-----------------------------------------------|--|--------------------------------|--|--------------------------------------------|----------------|-------------------------------------|---------|
| S | H1K4 | TT Kiểm nghiệm |                | Bảo chế (1,2,3)<br>Kiểm nghiệm (4,5)<br>GD 23 |  | KT Hóa dược (2,3,4,5)<br>GD 23 |  | NC phát triển thuốc mới (2,3,4,5)<br>GD 23 |                | Hóa học các HCTN (2,3,4,5)<br>GD 23 |         |
| C | H1K4 |                | TT Kiểm nghiệm |                                               |  | TT Kiểm nghiệm                 |  |                                            | TT Kiểm nghiệm |                                     |         |

- Từ ngày 16/03/2026 đến ngày 21/03/2026

|   | LỚP  | THỨ HAI |  | THỨ BA                                        |  | THỨ TƯ                                              |  | THỨ NĂM                                             |  | THỨ SÁU                             | THỨ BẢY |
|---|------|---------|--|-----------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------|--|-------------------------------------|---------|
| S | H1K4 |         |  | Bảo chế (1,2,3)<br>Kiểm nghiệm (4,5)<br>GD 23 |  | KT Hóa dược (1,2,3)<br>Kỹ thuật CXDL (4,5)<br>GD 23 |  | Kỹ thuật CXDL (1,2,3)<br>KT Hóa dược (4,5)<br>GD 23 |  | Hóa học các HCTN (2,3,4,5)<br>GD 23 |         |

- Từ ngày 23/03/2026 đến ngày 04/04/2026

|   | LỚP  | THỨ HAI |  | THỨ BA                                        |  | THỨ TƯ                           |         | THỨ NĂM                          |  | THỨ SÁU                             | THỨ BẢY |
|---|------|---------|--|-----------------------------------------------|--|----------------------------------|---------|----------------------------------|--|-------------------------------------|---------|
| S | H1K4 |         |  | Bảo chế (1,2,3)<br>Kiểm nghiệm (4,5)<br>GD 23 |  | Kỹ thuật CXDL (2,3,4,5)<br>GD 23 |         | Kỹ thuật CXDL (2,3,4,5)<br>GD 23 |  | Hóa học các HCTN (2,3,4,5)<br>GD 23 |         |
| C | H1K4 |         |  | Se NCPT                                       |  |                                  | Se NCPT |                                  |  |                                     |         |

• Từ ngày 06/04/2026 đến ngày 11/04/2026

|   | LỚP  | THỨ HAI |  | THỨ BA                                      |  | THỨ TƯ                              |  | THỨ NĂM                             |  | THỨ SÁU                                |  | THỨ BẢY |
|---|------|---------|--|---------------------------------------------|--|-------------------------------------|--|-------------------------------------|--|----------------------------------------|--|---------|
| S | H1K4 |         |  | Bào chế (2,3)<br>Kiểm nghiệm (4,5)<br>GD 23 |  | Kỹ thuật CXDL<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 |  | Kỹ thuật CXDL<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 |  | Hóa học các HCTN<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 |  |         |

• Từ ngày 13/04/2026 đến ngày 18/04/2026

|   | LỚP  | THỨ HAI |         | THỨ BA  |         | THỨ TƯ  |         | THỨ NĂM                             |  | THỨ SÁU                                              |  | THỨ BẢY |
|---|------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|-------------------------------------|--|------------------------------------------------------|--|---------|
| S | H1K4 | TT KTHD |         | TT KTHD |         | TT KTHD |         | Kỹ thuật CXDL<br>(2,3,4,5)<br>GD 23 |  | Kiểm nghiệm (2,3,4)<br>Hóa học các HCTN (5)<br>GD 23 |  |         |
| C | H1K4 |         | TT KTHD |         | TT KTHD |         | TT KTHD |                                     |  |                                                      |  |         |

• Từ ngày 20/04/2026 đến ngày 25/04/2026

|   | LỚP  | THỨ HAI |         | THỨ BA  |         | THỨ TƯ  |         | THỨ NĂM |  | THỨ SÁU |  | THỨ BẢY |
|---|------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|--|---------|--|---------|
| S | H1K4 | TT KTHD |         | TT KTHD |         | TT KTHD |         |         |  |         |  |         |
| C | H1K4 |         | TT KTHD |         | TT KTHD |         | TT KTHD |         |  |         |  |         |



• Từ ngày 27/04/2026 đến ngày 09/05/2026

|   | LỚP  | THỨ HAI |        | THỨ BA |        | THỨ TƯ |        | THỨ NĂM | THỨ SÁU | THỨ BẢY |
|---|------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|
| S | H1K4 | KTCXDL  |        | KTCXDL |        | KTCXDL |        |         |         |         |
| C | H1K4 |         | KTCXDL |        | KTCXDL |        | KTCXDL |         |         |         |

• Từ ngày 11/05/2026

|   | LỚP  | THỨ HAI |  | THỨ BA     |            | THỨ TƯ     |            | THỨ NĂM | THỨ SÁU | THỨ BẢY |
|---|------|---------|--|------------|------------|------------|------------|---------|---------|---------|
| S | H1K4 |         |  | TT Bào chế |            | TT Bào chế |            |         |         |         |
| C | H1K4 |         |  |            | TT Bào chế |            | TT Bào chế |         |         |         |

\* LT H1K4 bắt đầu từ 05/01/2026;

\* Thực tập, Seminar của lớp H1K4 chia nhóm như sau:

|                 |                 |
|-----------------|-----------------|
| Nhóm 1 (Tổ 1,2) | Nhóm 2 (Tổ 3,4) |
|-----------------|-----------------|